

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ
SAO MAI - BẾN ĐÌNH**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH

Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 Đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 28

350
C
C
A
S
NG

M.S.C.N/01
TH
QUA

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH

Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 Đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Hải Bình	Chủ tịch
Ông Phùng Như Dũng	Thành viên
Ông Lê Triều Thanh	Thành viên
Ông Nguyễn Tấn Hòa	Thành viên
Ông Nguyễn Viết Đạt	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Phùng Như Dũng	Giám đốc
Ông Đặng Đức Hồi	Phó Giám đốc
Ông Trần Chí Dũng	Phó Giám đốc
Ông Trần Đức Hạnh	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,


Phùng Như Dũng
Giám đốc

08 tháng 3 năm 2016

Số: 305/VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 08 tháng 3 năm 2016, từ trang 3 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, trong năm 2015, Công ty đã trình bày lại báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 liên quan tới khoản thuế nhà thầu bị bỏ sót trong các năm trước với số tiền là 2.386.615.450 đồng.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Lê Đình Tứ

Phó Tổng Giám đốc

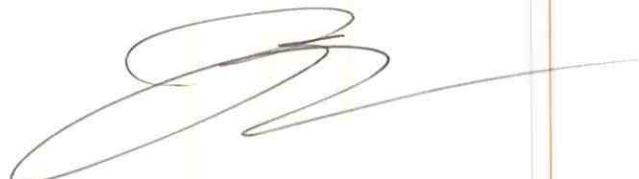
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0488-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

08 tháng 3 năm 2016

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



Nguyễn Tuấn Ngọc

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2110-2013-001-1

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH

Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 Đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu

Báo cáo tài chính

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	
			31/12/2015	(Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		610.162.490.756	574.241.456.276
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	43.313.078.488	80.299.004.041
1. Tiền	111		33.313.078.488	65.299.004.041
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	15.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		450.000.000.000	455.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7	450.000.000.000	455.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		83.360.522.080	28.289.914.776
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	61.078.390.875	11.404.626.628
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	10.247.233.386	5.414.656.886
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	12.034.897.819	11.470.631.262
IV. Hàng tồn kho	140		28.257.115.341	6.931.504.705
1. Hàng tồn kho	141	11	28.257.115.341	6.931.504.705
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.231.774.847	3.721.032.754
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		109.418.402	163.261.867
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	18	4.566.277.263	2.806.563.718
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	556.079.182	751.207.169
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		241.726.083.230	238.291.871.928
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.000.000	3.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		3.000.000	3.000.000
II. Tài sản cố định	220		20.101.777.300	12.938.996.066
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	20.101.777.300	12.938.996.066
- Nguyên giá	222		36.380.213.844	26.047.372.200
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.278.436.544)	(13.108.376.134)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		53.372.880	53.372.880
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(53.372.880)	(53.372.880)
III. Bất động sản đầu tư	230	14	202.277.135.763	207.012.407.619
- Nguyên giá	231		229.280.786.454	229.280.786.454
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(27.003.650.691)	(22.268.378.835)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		18.914.542.980	18.122.461.073
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	18.914.542.980	18.122.461.073
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	7	-	-
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		10.530.000.000	10.530.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(10.530.000.000)	(10.530.000.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		429.627.187	215.007.170
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		429.627.187	215.007.170
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		851.888.573.986	812.533.328.204

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
			(Trình bày lại)	(Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		293.074.416.158	253.719.183.386
I. Nợ ngắn hạn	310		70.854.443.991	27.182.603.356
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	50.012.889.927	6.888.499.668
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	4.526.265.565	6.570.777.440
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	33.391.727	2.497.991.717
4. Phải trả người lao động	314		1.189.967.630	410.131.742
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		3.484.853.261	1.289.251.685
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19	5.203.799.784	5.203.799.784
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	6.049.844.116	4.082.909.822
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		353.431.981	239.241.498
II. Nợ dài hạn	330		222.219.972.167	226.536.580.030
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	19	217.090.962.416	222.294.762.200
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	21	5.052.819.275	4.165.627.354
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		76.190.476	76.190.476
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		558.814.157.828	558.814.144.818
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	558.814.157.828	558.814.144.818
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		500.000.000.000	500.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		44.060.622.692	43.571.756.884
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		14.753.535.136	15.242.387.934
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		14.608.183.643	13.921.128.994
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		145.351.493	1.321.258.940
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		851.888.573.986	812.533.328.204

Trần Thị Hồng Lan
Người lập biểu

Phạm Minh Vĩ
Kế toán trưởng

Phùng Như Dũng
Giám đốc

08 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		200.778.064.230	56.118.700.910
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	24	200.778.064.230	56.118.700.910
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	189.021.787.646	50.582.528.928
4. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		11.756.276.584	5.536.171.982
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	27.024.599.530	33.250.158.487
6. Chi phí tài chính	22		103.660.783	-
7. Chi phí bán hàng	25		2.007.372.728	1.911.151.007
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	33.538.460.211	34.674.983.148
9. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		3.131.382.392	2.200.196.314
10. Thu nhập khác	31		189.559.582	8.254.546
11. Chi phí khác	32	29	2.276.052.954	-
12. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(2.086.493.372)	8.254.546
13. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.044.889.020	2.208.450.860
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	12.345.606	-
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	21	887.191.921	887.191.920
16. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		145.351.493	1.321.258.940
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	3	26



Trần Thị Hồng Lan
Người lập biểu



Phạm Minh Vi
Kế toán trưởng



Phùng Như Dũng
Giám đốc
08 tháng 3 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNHLầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 Đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 -DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***3. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU NĂM TRƯỚC**

Trong năm 2015, Ban Giám đốc quyết định trình bày lại báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 để điều chỉnh khoản thuế nhà thầu nước ngoài phát sinh từ năm 2011 với số tiền là 2.386.615.450 đồng. Ban Giám đốc tin rằng các điều chỉnh hồi tố này sẽ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014. Theo đó, Công ty đã trình bày lại các khoản mục trên bảng cân đối kế toán như sau.

	Mã số	Số đã báo cáo VND	Số trình bày lại VND	Chênh lệch VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	2.779.837.989	2.806.563.718	(26.725.729)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	111.376.267	2.497.991.717	(2.386.615.450)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	<u>17.602.277.655</u>	<u>15.242.387.934</u>	<u>2.359.889.721</u>

4. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH

Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 Đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu
 Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 -DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chủ yếu là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập phù hợp với các quy định hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho chủ yếu bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến các dự án và các chi phí phát sinh liên quan đến dịch vụ tư vấn quản lý dự án.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6
Máy móc, thiết bị	7
Phương tiện vận tải	7
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Tài sản hữu hình khác	10

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH

Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 Đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm (05) năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm cơ sở hạ tầng do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

35
CỔ
CỔ
JT
MA
TU
12500
CHI NH
CÔNG
CH NHIỆ
ELO
VIỆT
7 - TP.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

07
NG
PH
J D
i-B
BA
-002-C
ÁNH
TY
HỮU H
TTE
NAM
HỒ CH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH

Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 Đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu

Báo cáo tài chính

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 -DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	85.917.064	36.803.609
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	33.227.161.424	65.262.200.432
Các khoản tương đương tiền	<u>10.000.000.000</u>	<u>15.000.000.000</u>
	<u>43.313.078.488</u>	<u>80.299.004.041</u>

Các khoản tương đương tiền liên quan đến các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại và các khoản ủy thác đầu tư tại các công ty tài chính có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng 3 tháng với lãi suất được hưởng là 5%/năm (năm 2014: 6%/năm).

7. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/12/2015		31/12/2014	
	<u>VND</u>		<u>VND</u>	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
a1) Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	450.000.000.000	450.000.000.000	455.000.000.000	455.000.000.000
	<u>450.000.000.000</u>	<u>450.000.000.000</u>	<u>455.000.000.000</u>	<u>455.000.000.000</u>
	<u>VND</u>		<u>VND</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
- Đầu tư vào đơn vị khác (**)	10.530.000.000	(10.530.000.000)	10.530.000.000	(10.530.000.000)
	<u>10.530.000.000</u>	<u>(10.530.000.000)</u>	<u>10.530.000.000</u>	<u>(10.530.000.000)</u>

(*) Các khoản đầu tư tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn lớn hơn 3 tháng và dưới 1 năm với lãi suất được hưởng từ 5,3% đến 6,6%/năm (năm 2014: từ 6% đến 7%/năm).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH

Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 Đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu

Báo cáo tài chính

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 -DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

(**) Đây là khoản vốn góp vào Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao (Sopewaco), với số tiền đầu tư tương đương 13,16% vốn điều lệ của Sopewaco. Sopewaco phát sinh khoản lỗ vượt quá vốn chủ sở hữu từ các năm trước; do đó, Công ty quyết định trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản đầu tư này. Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

8. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015 <u>VND</u>	31/12/2014 <u>VND</u>
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	716.234.257	1.676.911.362
Liên Doanh Việt – Nga Vietsovetro	3.374.930.002	2.989.679.333
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	18.028.096.130	5.681.641.198
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình Dầu khí biển PTSC	13.774.657.600	-
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu Khí	17.056.338.159	-
Phải thu các khách hàng khác	8.128.134.727	1.056.394.735
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</i>		
<i>(Thuyết minh số 35)</i>	38.542.928.877	2.371.099.362
	<u>61.078.390.875</u>	<u>11.404.626.628</u>

9. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015 <u>VND</u>	31/12/2014 <u>VND</u>
Ứng trước cho các nhà cung cấp trong các hợp đồng xây lắp	10.052.490.000	4.245.067.500
Khác	194.743.386	1.169.589.386
	<u>10.247.233.386</u>	<u>5.414.656.886</u>

10. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015 <u>VND</u>	31/12/2014 <u>VND</u>
Lãi dự thu từ các khoản tiền gửi có kỳ hạn	11.881.097.220	10.758.584.335
Khác	153.800.599	712.046.927
	<u>12.034.897.819</u>	<u>11.470.631.262</u>

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015 <u>VND</u>	31/12/2014 <u>VND</u>
Hàng đang đi đường	25.101.572.611	591.305.040
Nguyên vật liệu	793.810.000	-
Hàng hóa	736.816.216	73.790.689
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.624.916.514	6.266.408.976
	<u>28.257.115.341</u>	<u>6.931.504.705</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất, hư hỏng cần trích lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH

Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 Đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu

Báo cáo tài chính

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 -DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước chủ yếu liên quan đến khoản thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa từ các năm trước.

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, Vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản hữu hình khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2015	-	1.369.100.000	4.479.393.486	496.896.705	19.701.982.009	26.047.372.200
Tăng trong năm	4.524.258.234	-	-	35.280.000	5.773.303.410	10.332.841.644
Tại ngày 31/12/2015	<u>4.524.258.234</u>	<u>1.369.100.000</u>	<u>4.479.393.486</u>	<u>532.176.705</u>	<u>25.475.285.419</u>	<u>36.380.213.844</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2015	-	823.879.102	3.661.850.630	419.464.599	8.203.181.803	13.108.376.134
Khấu hao trong năm	377.021.520	195.585.852	450.789.875	58.414.227	2.088.248.936	3.170.060.410
Tại ngày 31/12/2015	<u>377.021.520</u>	<u>1.019.464.954</u>	<u>4.112.640.505</u>	<u>477.878.826</u>	<u>10.291.430.739</u>	<u>16.278.436.544</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2015	<u>4.147.236.714</u>	<u>349.635.046</u>	<u>366.752.981</u>	<u>54.297.879</u>	<u>15.183.854.680</u>	<u>20.101.777.300</u>
Tại ngày 31/12/2014	-	<u>545.220.898</u>	<u>817.542.856</u>	<u>77.432.106</u>	<u>11.498.800.206</u>	<u>12.938.996.066</u>

Nguyên giá các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 2.894.942.463 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.243.368.944 đồng).

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯCơ sở hạ tầng
VND**NGUYÊN GIÁ**

Tại 01/01/2015 và 31/12/2015

229.280.786.454

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2015

22.268.378.835

Khấu hao trong năm

4.735.271.856

Tại 31/12/2015

27.003.650.691**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Tại 31/12/2015

202.277.135.763

Tại 31/12/2014

207.012.407.619

Chi tiết nguyên giá bất động sản đầu tư của Công ty như sau:

31/12/2015 và
31/12/2014
VND

Dự án Cơ sở hạ tầng - 39,8 héc ta (i)

131.881.668.267

Dự án Cơ sở hạ tầng - 23 héc ta (ii)

97.399.118.187

229.280.786.454

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH

Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 Đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu

Báo cáo tài chính

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 -DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

(i) Bất động sản đầu tư thể hiện cơ sở hạ tầng và diện tích đất 39,8 ha tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình của dự án Sao Mai Bến Đình đã hoàn thành năm 2009 và sau đó được thuê bởi Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí từ năm 2010. Bất động sản đầu tư này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê là 48 năm.

(ii) Bất động sản đầu tư thể hiện cơ sở hạ tầng và diện tích đất 23 ha tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình của dự án Sao Mai - Bến Đình được thuê bởi Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí năm 2010. Bất động sản đầu tư này được được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 49 năm.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2015 VND	2014 VND
Tại ngày 01 tháng 01	18.122.461.073	17.672.056.342
Tăng trong năm	792.081.907	450.404.731
Tại ngày 31 tháng 12	<u>18.914.542.980</u>	<u>18.122.461.073</u>

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Căn cứ Dịch vụ hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	15,258,780,716	15,235,749,832
Khu Dịch vụ Dầu khí 35 ha Sao Mai - Bến Đình	2,718,983,969	2,718,983,969
Công trình san lấp mặt bằng phân khu 1 - Phân kỳ 1 (7 ha)	815,349,005	-
Dự án khác	121,429,290	167,727,272
	<u>18,914,542,980</u>	<u>18,122,461,073</u>

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Công ty TNHH Hải Lưu	5.787.293.719	2.039.215.750
Công ty Sản xuất Thương mại và Kỹ thuật Thuận Phát	283.841.547	770.409.640
S-One M&O Co., Ltd.	2.366.574.336	1.861.034.149
DME BURJ Pte Ltd	20.413.989.558	-
Phải trả cho các đơn vị khác	21.161.190.767	2.217.840.129
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả người bán là các bên liên quan</i>		
<i>(Thuyết minh số 35)</i>	<u>3.061.824.317</u>	<u>328.648.067</u>
	<u>50.012.889.927</u>	<u>6.888.499.668</u>

Các khoản phải trả người bán đều có khả năng thanh toán khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH

Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 Đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu

Báo cáo tài chính

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 -DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	3.984.009.865	-
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí	542.255.700	1.921.821.440
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cơ khí Hàng Hải PTSC	-	4.648.956.000
	<u>4.526.265.565</u>	<u>6.570.777.440</u>

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2015	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	2.806.563.718	18.667.693.829	(16.907.980.284)	4.566.277.263
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	-	24.089.786.753	(24.089.786.753)	-
Thuế nhà thầu nước ngoài	2.386.615.450	-	(2.386.615.450)	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	171.850.793	(171.850.793)	-
Thuế thu nhập cá nhân	111.376.267	525.087.754	(603.072.294)	33.391.727
	<u>2.497.991.717</u>	<u>24.786.725.300</u>	<u>(27.251.325.290)</u>	<u>33.391.727</u>

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện số tiền Công ty được trả trước từ việc cho thuê cơ sở hạ tầng tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình, thành phố Vũng Tàu. Doanh thu chưa thực hiện này được phân bổ dần vào kết quả kinh doanh hàng năm trong thời gian 48 và 49 năm.

Chi tiết số dư doanh thu chưa thực hiện của Công ty như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
- Doanh thu nhận trước	<u>5.203.799.784</u>	<u>5.203.799.784</u>
b. Dài hạn		
- Doanh thu nhận trước	<u>217.090.962.416</u>	<u>222.294.762.200</u>

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Cổ tức phải trả	3.974.059.950	3.981.899.445
Khác	2.075.784.166	101.010.377
	<u>6.049.844.116</u>	<u>4.082.909.822</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNHLầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 Đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 -DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

21. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận trên khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư và cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp do có sự khác biệt về thời gian tính khấu hao Cơ quan Thuế cho phép theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính là 25 năm và thời gian tính khấu hao của Công ty áp dụng là 48 và 49 năm. Công ty hiện áp dụng thuế suất 20% là mức thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả do Công ty ghi nhận:

	Chênh lệch khấu hao VND
Tại 01/01/2015	4.165.627.354
Ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	887.191.921
Tại 31/12/2015	5.052.819.275

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Trình bày lại) VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2014 (Trình bày lại)	500.000.000.000	31.510.376.314	11.670.509.746	14.428.204.657	557.609.090.717
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	1.321.258.940	1.321.258.940
Chi trả cổ tức	-	285.230.061	105.640.763	(507.075.663)	(116.204.839)
Tại ngày 31/12/2014	500.000.000.000	31.795.606.375	11.776.150.509	15.242.387.934	558.814.144.818
Phân loại lại (*)	-	11.776.150.509	(11.776.150.509)	-	-
Tại ngày 31/12/2014 (sau phân loại)	500.000.000.000	43.571.756.884	-	15.242.387.934	558.814.144.818
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	145.351.493	145.351.493
Phân phối các quỹ	-	488.865.808	-	(634.204.291)	(145.338.483)
Tại ngày 31/12/2015	500.000.000.000	44.060.622.692	-	14.753.535.136	558.814.157.828

(*) Theo hướng dẫn tại Thông tư 200, Công ty đã phân loại lại số dư đầu kỳ của Quỹ dự phòng tài chính sang Quỹ đầu tư phát triển.

Vốn điều lệ	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Vốn góp của chủ sở hữu theo Giấy chứng nhận đầu tư 50 triệu cổ phần, 10.000 đồng/cổ phần	500.000.000.000	500.000.000.000
Cổ phần đã phát hành và thu tiền 50 triệu cổ phần, 10.000 đồng/cổ phần	500.000.000.000	500.000.000.000

Theo Giấy chứng nhận đầu tư, vốn góp của chủ sở hữu của Công ty là 500 tỷ đồng được chia thành 50.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNHLầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 Đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 -DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Tình hình góp vốn của chủ sở hữu của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đầu tư		Vốn đã góp	
	VND	%	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	210.250.000.000	42,05	255.000.000.000	210.230.500.000
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	50.924.000.000	10,18	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu			50.924.000.000	50.924.000.000
Các cổ đông khác	238.826.000.000	47,77	194.076.000.000	238.845.500.000
	500.000.000.000	100	500.000.000.000	500.000.000.000

Ngày 17 tháng 7 năm 2015, Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam đã mua thêm 4.476.950 cổ phần và tăng tỉ lệ sở hữu từ 42,05% lên 51% vốn điều lệ của Công ty kể từ ngày này.

23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động - Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí và Bộ phận kinh doanh cụm cảng. Công ty lập báo cáo bộ phận theo hai bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của hai bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí: Xây dựng công trình theo hợp đồng.

Bộ phận kinh doanh cụm cảng: Cho thuê cơ sở hạ tầng là bất động sản đầu tư.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**Bảng cân đối kế toán**

Tại ngày 31/12/2015	Bộ phận kinh doanh cụm cảng VND	Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí VND	Tổng VND
Tài sản bộ phận	249.273.964.125	96.710.554.372	345.984.518.497
Tài sản không phân bổ			505.904.055.489
Tổng tài sản			851.888.573.986
Nợ phải trả bộ phận	232.642.085.302	53.919.472.556	286.561.557.858
Nợ phải trả không phân bổ			6.512.858.300
Tổng nợ phải trả			293.074.416.158

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNHLầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 Đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 -DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
2015**

	Bộ phận kinh doanh cụm cảng VND	Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí VND	Tổng VND
Doanh thu			
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	20.684.663.644	180.093.400.586	200.778.064.230
Tổng doanh thu	20.684.663.644	180.093.400.586	200.778.064.230
Giá vốn	18.643.442.459	170.378.345.187	189.021.787.646
Kết quả hoạt động kinh doanh			
Kết quả kinh doanh bộ phận	2.041.221.185	9.715.055.399	11.756.276.584
Chi phí không phân bổ			(35.545.832.939)
Lỗ từ hoạt động kinh doanh			(23.789.556.355)
Doanh thu hoạt động tài chính			27.024.599.530
Lỗ khác			(2.086.493.372)
Lợi nhuận trước thuế			1.044.889.020
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(12.345.606)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(887.191.921)
Lợi nhuận trong năm			145.351.493
Thông tin khác			
Khấu hao			7.905.332.266

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**Bảng cân đối kế toán**

Tại ngày 31/12/2014 (Trình bày lại)	Bộ phận kinh doanh cụm cảng VND	Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí VND	Tổng VND
Tài sản bộ phận	220.627.758.028	26.167.674.383	246.795.432.411
Tài sản không phân bổ			565.737.895.793
Tổng tài sản			812.533.328.204
Nợ phải trả bộ phận	231.803.757.018	4.546.834.525	236.350.591.543
Nợ phải trả không phân bổ			17.368.591.843
Tổng nợ phải trả			253.719.183.386

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH

Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 Đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu

Báo cáo tài chính

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 -DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Báo cáo kết quả kinh doanh**

2014	Bộ phận kinh doanh cụm cảng VND	Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí VND	Tổng VND
Doanh thu			
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	5.203.799.784	50.914.901.126	56.118.700.910
Tổng doanh thu	<u>5.203.799.784</u>	<u>50.914.901.126</u>	<u>56.118.700.910</u>
Giá vốn	<u>4.735.271.856</u>	<u>45.847.257.072</u>	<u>50.582.528.928</u>
Kết quả hoạt động kinh doanh			
Kết quả kinh doanh bộ phận	<u>468.527.928</u>	<u>5.067.644.054</u>	<u>5.536.171.982</u>
Chi phí không phân bổ			(36.586.134.155)
Lỗ từ hoạt động kinh doanh			(31.049.962.173)
Doanh thu hoạt động tài chính			33.250.158.487
Lợi nhuận khác			8.254.546
Lợi nhuận trước thuế			<u>2.208.450.860</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(887.191.920)
Lợi nhuận trong năm			<u><u>1.321.258.940</u></u>
Thông tin khác			
Khấu hao			<u><u>7.591.310.163</u></u>

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam nên không có bộ phận theo khu vực địa lý cần báo cáo.

24. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2015 VND	2014 VND
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	5.203.799.784	5.203.799.784
Doanh thu cung cấp dịch vụ	110.596.438.506	42.620.698.557
Doanh thu bán hàng	84.977.825.940	8.294.202.569
	<u><u>200.778.064.230</u></u>	<u><u>56.118.700.910</u></u>

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2015 VND	2014 VND
Chi phí khấu hao bất động sản đầu tư	4.735.271.856	4.735.271.856
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	106.649.904.808	37.891.434.538
Giá vốn của hàng bán	77.636.610.982	7.955.822.534
	<u><u>189.021.787.646</u></u>	<u><u>50.582.528.928</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNHLầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 Đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 -DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***26. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.157.671.599	8.831.883.276
Chi phí nhân công	70.865.809.480	34.707.418.314
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.905.332.266	7.591.310.163
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.616.722.346	28.068.848.782
Chi phí khác bằng tiền	7.466.372.420	7.512.765.341
	145.011.908.111	86.712.225.876

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2015	2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	27.024.599.530	32.977.629.663
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	272.528.824
	27.024.599.530	33.250.158.487

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí lương	14.763.612.693	16.922.019.105
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	2.706.558.720	2.323.184.040
Chi phí vật liệu văn phòng	1.819.268.341	2.354.577.417
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.305.468.495	5.475.532.735
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	7.943.551.962	7.599.669.851
	33.538.460.211	34.674.983.148

29. CHI PHÍ KHÁC

Chi phí khác thể hiện phần tiền lãi chậm nộp liên quan tới khoản thuế nhà thầu năm 2011 chưa được ghi nhận (Thuyết minh số 3).

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	2015	2014
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	1.044.889.020	2.208.450.860
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(4.435.959.598)	(4.736.893.446)
<i>Chênh lệch khấu hao</i>	(4.435.959.598)	(4.435.959.599)
<i>Các khoản khác</i>	-	(300.933.847)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.872.834.235	894.093.777
Lỗ tính thuế	(518.236.343)	(1.634.348.809)
Thuế suất	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Bổ sung chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước	12.345.606	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	12.345.606	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNHLầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 Đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 -DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có khoản lỗ tính thuế 2.152.585.152 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.634.348.809 VND) có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Công ty không ghi nhận tài sản thuế hoãn lại cho khoản lỗ này do không chắc chắn về lợi nhuận thu được trong tương lai. Số lỗ này sẽ được chuyển toàn bộ liên tục vào các năm tiếp theo nhưng không quá thời 5 năm kể từ năm phát sinh lỗ, theo đó, khoản lỗ phát sinh năm 2014 và 2015 sẽ lần lượt hết hạn chuyển lỗ vào năm 2019 và 2020.

Cơ quan thuế chưa thực hiện việc quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty từ năm 2012. Ban Giám đốc nhận thức được số thuế phải nộp trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 có thể được Cơ quan thuế quyết toán trong tương lai. Do cách hiểu khác nhau trong việc áp dụng luật thuế và các quy định hiện hành trong việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp hiện nay nên có thể dẫn đến sự khác biệt về số thuế phải nộp của Công ty khi Cơ quan thuế tiến hành quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty.

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2015 VND	2014 (trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế	145.351.493	1.321.258.940
Trừ: Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(145.338.483)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	145.351.493	1.175.920.457
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	50.000.000	50.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3	24

(*) Theo Thông tư 200, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu không bao gồm số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được trình bày lại để phù hợp với quy định của Thông tư 200. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Ban Giám đốc Công ty quyết định không trích quỹ khen thưởng, phúc lợi.

32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2015 VND	2014 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	6.486.484.734	4.280.830.188

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Trong vòng một năm	5.689.152.897	3.642.226.819
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	14.244.149.589	4.123.684.603
Sau năm năm	131.755.946.301	-
	151.689.248.787	7.765.911.422

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH

Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 Đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu

Báo cáo tài chính

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 -DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện các khoản thanh toán cho việc thuê xe, thuê văn phòng có thời hạn thuê từ 1 đến 2 năm và khoản thanh toán cho chi phí thuê mặt bãi khu Kinh tế Sao Mai - Bến Đình với thời hạn thuê 45 năm.

33. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Ngoại tệ các loại**

	31/12/2015		31/12/2014	
	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND
Đô la Mỹ (USD)	333.331	7.485.516.991	2.539.506	54.254.462.161
Euro (EUR)	-	-	101	2.222.269

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty chỉ gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 5.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	43.313.078.488	80.299.004.041
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	450.000.000.000	455.000.000.000
Phải thu khách hàng	61.078.390.875	11.404.626.628
Phải thu khác	11.884.097.220	10.761.584.335
	566.275.566.583	557.465.215.004
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán	50.012.889.927	6.888.499.668
Phải trả khác	3.974.059.950	3.985.794.182
Chi phí phải trả	3.484.853.261	1.289.251.685
	57.471.803.138	12.163.545.535

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNHLầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 Đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 -DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Nợ phải trả	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	7.485.516.991	54.254.462.161	26.183.579.502	-
Euro (EUR)	-	2.222.269	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Phân tích sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Đô la Mỹ tăng/giảm 3% so với Đồng Việt Nam. Tỷ lệ thay đổi 3% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 3% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá của Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 3% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng là 560.941.875 đồng (2014: tăng 1.627.633.865 đồng). Phân tích tương tự như trên cho Euro thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng là các bên liên quan của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNHLầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 Đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 -DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	43.313.078.488	-	43.313.078.488
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	450.000.000.000	-	450.000.000.000
Phải thu khách hàng	61.078.390.875	-	61.078.390.875
Phải thu khác	11.881.097.220	3.000.000	11.884.097.220
Tổng cộng	566.272.566.583	3.000.000	566.275.566.583
Phải trả người bán	50.012.889.927	-	50.012.889.927
Phải trả khác	3.974.059.950	-	3.974.059.950
Chi phí phải trả	3.484.853.261	-	3.484.853.261
Tổng cộng	57.471.803.138	-	57.471.803.138
Chênh lệch thanh khoản thuần	508.800.763.445	3.000.000	508.803.763.445
31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	80.299.004.041	-	80.299.004.041
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	455.000.000.000	-	455.000.000.000
Phải thu khách hàng	11.404.626.628	-	11.404.626.628
Phải thu khác	10.758.584.335	3.000.000	10.761.584.335
Tổng cộng	557.462.215.004	3.000.000	557.465.215.004
Phải trả người bán	6.888.499.668	-	6.888.499.668
Phải trả khác	3.985.794.182	-	3.985.794.182
Chi phí phải trả	1.289.251.685	-	1.289.251.685
Tổng cộng	12.163.545.535	-	12.163.545.535
Chênh lệch thanh khoản thuần	545.298.669.469	3.000.000	545.301.669.469

Dựa vào bảng trên, Công ty có khả năng thanh khoản tốt vì các chênh lệch thanh khoản thuần đều thể hiện số dư dương.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH

 Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 Đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu **Báo cáo tài chính**
 Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
MẪU B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN
Danh sách các bên liên quan:
Bên liên quan
Mối quan hệ

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (“PTSC”)	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	Bên liên quan
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	Thành viên PTSC
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	Thành viên PTSC
Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí PTSC	Thành viên PTSC
Công ty Cảng dịch vụ Dầu khí	Thành viên PTSC
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	Thành viên PTSC

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Cung cấp dịch vụ		
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	1.133.677.274	-
Công ty Cổ phần Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển	20.157.416.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	309.832.750	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	39.556.717.760	5.585.454.119
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng Hải PTSC	33.624.382.158	26.113.028.946
	<u> </u>	<u> </u>
Mua dịch vụ		
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	8.026.862.135	1.477.944.941
Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí PTSC	3.115.945.575	2.737.008.132
Công ty Cảng dịch vụ dầu khí	1.028.637.050	1.029.927.500
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cơ khí Hàng Hải	-	843.348.715
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	91.335.606	-
	<u> </u>	<u> </u>
 Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:		
	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương và thưởng	2.309.820.903	1.799.241.453
	<u> </u>	<u> </u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNHLầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 Đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 -DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	17.772.572.416	1.676.911.362
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cơ khí Hàng Hải PTSC	5.407.837.834	694.188.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình Dầu khí biển PTSC	13.774.657.600	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	340.816.025	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	1.247.045.002	-
	<u>38.542.928.877</u>	<u>2.371.099.362</u>
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	2.832.545.047	325.918.252
Công ty Cảng dịch vụ Dầu khí	229.279.270	2.729.815
	<u>3.061.824.317</u>	<u>328.648.067</u>
Ứng trước từ khách hàng		
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	542.255.700	1.921.821.440
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cơ khí Hàng Hải	-	4.648.956.000
	<u>-</u>	<u>6.570.777.440</u>

36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:**

Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định trong năm không bao gồm 4.733.699.736 đồng (năm 2014 là 0 đồng), là số tiền dùng để mua sắm và xây dựng tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền thu lãi tiền gửi trong năm không bao gồm số tiền 11.881.097.220 đồng (2014: 10.758.584.335 đồng), thể hiện khoản thu nhập từ lãi tiền gửi chưa nhận được tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH

Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 Đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu
 Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 -DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của báo cáo năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

Đơn vị: VND

Thay đổi

Theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC			Theo TT 200/2014/TT-BTC		
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN					
Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014	Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014
I. Tài sản					
1. Đầu tư ngắn hạn	121	455.000.000.000	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	455.000.000.000
2. Phải thu khách hàng	131	11.404.626.628	2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	11.404.626.628
3. Các khoản phải thu khác	135	11.470.631.262	3. Phải thu ngắn hạn khác	136	11.470.631.262
4. Đầu tư dài hạn khác	258	10.530.000.000	4. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	10.530.000.000
5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	(10.530.000.000)	5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	(10.530.000.000)
II. Nguồn vốn					
1. Phải trả người bán	312	6.888.499.668	1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	6.888.499.668
2. Chi phí phải trả	316	1.289.251.685	2. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	1.289.251.685
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	111.376.267	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	2.497.991.717
4. Doanh thu chưa thực hiện	338	227.498.561.984	4. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.203.799.784
<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>			5. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	222.294.762.200
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	4.082.909.822	6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.082.909.822
6. Vốn điều lệ	411	500.000.000.000	7. Vốn góp của chủ sở hữu	411	500.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	31.795.606.375	8. Quỹ đầu tư phát triển	418	43.571.756.884
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	11.776.150.509	<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>		



Trần Thị Hồng Lan
 Người lập biểu



Phạm Minh Vi
 Kế toán trưởng



Phùng Như Dũng
 Giám đốc

08 tháng 3 năm 2016